

Bản án số:41/2022/HNGĐ -ST

Ngày 08/7/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Trang

2. Bà Đỗ Thị Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐSXST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh **Đoàn Văn L**, sinh năm 1971

2. *Bị đơn:* chị **Lương Thị H**, sinh năm 1974

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Lương L**, sinh năm 1947

Đều ở địa chỉ: thôn A, xã L, huyện X, tỉnh Thái Bình

(anh L có mặt, chị H và ông Long vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đoàn Văn L trình bày: anh và chị Lương Thị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Kiến Xương vào ngày 28/01/2003. Khoảng năm 2007 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, mối quan hệ giữa chị H và gia đình anh không tốt nên thường xuyên xảy ra va chạm, anh và chị H đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân nhiều lần anh tìm gọi chị H về đoàn tụ nhưng chị H không nhất trí và còn có lời lẽ không tôn trọng anh. Xác định tình cảm không còn, không trở về đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: anh và chị H có hai con chung là Đoàn Nam A, sinh ngày 31/10/2003 và Đoàn Nam Kh, sinh ngày 19/9/2005. Ly hôn anh nhường quyền nuôi con NamKh cho chị H, anh góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng, con Đoàn Nam A đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh làm lao động tự do thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản và nợ chung: không có.

Tại đơn đề ngày 04/4/2022, biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2022 và 25/5/2022, bị đơn chị Lương Thị H trình bày: sau khi kết hôn chị và anh L chung sống đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến mẹ con chị, ngày 27/7/2006 anh L đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà nên ba mẹ con chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh L không tìm gọi mẹ con chị, thỉnh thoảng có cho các con tiền nhưng khoảng 4 năm gần đây anh không có trách nhiệm gì với các con, mặc dù có mâu thuẫn, thời gian sống ly thân đã lâu nhưng chị không đồng ý ly hôn vì chị muốn các con của chị có cả cha và mẹ.

Về con chung chị và anh L có hai con chung như anh L trình bày, do chị không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về việc giải quyết con chung. Chị làm giáo viên trường tiểu học và trung học cơ sở Hồng Thái, huyện Kiến Xương, mức lương 7.500.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Năm 2004 anh L có vay của bố mẹ chị là ông Lương L và bà Vũ Thị H 4.600.000

đồng và 5 chỉ vàng để đi nước ngoài, do anh L không sử dụng để đi nước ngoài mà cho người phụ nữ khác nên chị xác định đây là nợ riêng của anh L.

Tòa án không ghi được nguyện vọng của cháu Đoàn Nam Kh, chị H cũng không đồng ý cho Tòa án ghi ý kiến của cháu Kh.

Tại đơn đề ngày 04/4/2022, biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương L (là bố đẻ chị H) trình bày: năm 2004 ông có cho anh L vay 4.600.000 đồng và 5 chỉ vàng, do ông định dùng số tiền 4.600.000 đồng để mua vàng nên khi vay ông và anh L có thống nhất là anh L vay 01 cây vàng (10 chỉ) mục đích để đi nước ngoài. Khi vay không viết giấy biên nhận, không có người làm chứng, không thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất, năm 2006 anh L đã trả 3 chỉ vàng, nay ông yêu cầu anh L phải trả cho ông giá trị 7 chỉ vàng là 37.800.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi. Ngày 12/4/2022 ông Long đã nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, hết thời hạn ghi trong thông báo ông không nộp biên lai thu tiền tạm ứng cho Tòa án. Qua làm việc, chị H cho biết ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền trên nên không nộp tạm ứng án phí.

Anh L cho rằng năm 2004 anh có vay của ông Lương L 3 chỉ vàng để đi nước ngoài, anh đã trả đủ số vàng trên cho ông Long vào năm 2006 nên anh không nhất trí với yêu cầu của ông Long.

Kết quả xác minh tại UBND xã L, huyện Kiến Xương thể hiện: khoảng năm 2010 anh L, chị H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, đã ly thân từ đó đến nay, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Đoàn Văn L được ly hôn chị Lương Thị H. Về con chung giao con chung Đoàn Nam Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh L về việc góp tiền cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ tháng. Về tài sản và nợ chung

không giải quyết trong vụ án này. Về án phí anh Đoàn Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Anh Đoàn Văn L khởi kiện xin ly hôn chị Lương Thị H có nơi cư trú xã Lê Lợi, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Kiến Xương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Khoảng năm 2006 anh, chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, không có sự tin tưởng, tôn trọng nhau nên đã ly thân từ đó đến nay. Chị H không đồng ý ly hôn nhưng lại từ chối đến Tòa án làm việc để bảo vệ quan điểm của mình; qua lời khai của các bên, kết quả xác minh tại địa phương cho thấy thời gian anh, chị sống ly thân quá lâu, hai bên đã bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh L, xử cho anh được ly hôn chị H.

[5] Về quan hệ con chung: chị H không có quan điểm về việc giải quyết con chung khi ly hôn, song xét thấy con Đoàn Nam Kh ở với chị H từ khi anh, chị sống ly thân, anh L nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con Kh cho chị H. Do vậy để ổn

định cuộc sống cần giao con Nam Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, con Đoàn Nam A đã trưởng thành không đặt ra giải quyết là đúng với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng: căn cứ vào mức thu nhập của anh L, nhu cầu thiết yếu của con chung xét thấy việc anh L tự nguyện góp tiền cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/ tháng là phù hợp, đúng với quy định tại các điều 82, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về quan hệ tài sản chung: anh L khai không có, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về nợ chung: anh L và chị H đều khai không có, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương L yêu cầu anh L trả số tiền 37.800.000 đồng, tuy nhiên do ông Long không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên căn cứ vào khoản 2 Điều 73, khoản 1 Điều 146, và Điều 202 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không giải quyết yêu cầu của ông L trong cùng vụ án; ông L có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: anh Đoàn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 73, khoản 1 Điều 146, Điều 202, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Đoàn Văn L được ly hôn Lương Thị H.

2. **Về quan hệ con chung:** giao con chung Đoàn Nam Kh, sinh ngày 19/9/2005 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đoàn Văn L có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con Kh cho chị H 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, kể từ tháng 7 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung. Con Đoàn Nam A đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

3. **Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:** không giải quyết trong vụ án này.

4. Không chấp nhận giải quyết yêu cầu của ông Lương L trong cùng vụ án, ông Long có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

5. **Về án phí:** anh Đoàn Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001593 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, anh L còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. **Về quyền kháng cáo:** anh Đoàn Văn L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/7/2022.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ